

Thứ năm, ngày 16 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/07/2020		•	
Tuần 13/7-17/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục vận động eo hẹp trong cả phiên giao dịch nhưng đã tăng điểm mạnh hơn vào cuối phiên ATC. Dòng tiền đầu tư không dồi dào khi có 14/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên đảo hạn hợp đồng tương lai tháng 07. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ, độ rộng thị trường chuyển sang xu hướng tiêu cực và biên độ thị trường nói rộng cho thấy xu hướng giao dịch đồng nhất chưa hình thành. Chỉ số tăng mạnh cuối phiên có yếu tố gây nhiễu từ hoạt động trading với HĐTL VN30F2007 đảo hạn. VN-Index có thể sẽ xác định rõ xu hướng vận động hơn trong phiên cuối tuần khi biên độ dao động của thị trường tuần này khá eo hẹp với mức thanh khoản trung bình.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm trái ngược với xu hướng chung của chỉ số trong phiên đảo hạn của HĐTL tháng 7. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 815 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/7/2020, chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái, trong khi chứng khoán cơ sở đa số đóng cửa trong sắc xanh. Giá trị giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_FTSE Việt Nam_1.5%**

Phân tích kỹ thuật: MPC_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +6.92 điểm, đóng cửa 876.83 điểm. HNX-Index -0.32 điểm, đóng cửa 115.59 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+2.41); VNM(+0.75); VJC (+0.65); MSN(+0.43); HPG(+0.43).
- Kéo chỉ số giảm: NVL(-0.14); VCI (-0.07); SCS(-0.06); GVR (-0.06); DRC (-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,737 tỷ đồng, tăng +5.5% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.58 điểm, không đổi so với phiên liền trước. Thị trường có 165 mã tăng, 72 mã tham chiếu và 193 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -24.95 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VCB (-25.4 tỷ), DXG (-16.2 tỷ) và SAB (-11.7 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 1.33 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

876.83

Giá trị: 3737.59 tỷ

6.92 (0.8%)

Khối ngoại (ròng): -24.95 tỷ

HNX-INDEX

115.59

Giá trị: 623.32 tỷ

-0.32 (-0.28%)

Khối ngoại (ròng): 1.33 tỷ

UPCOM-INDEX

57.03

Giá trị: 0.17 tỷ

0.05 (0.09%)

Khối ngoại (ròng): -2.24 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.7	-1.24%
Giá vàng	1,806	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,185	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,513	0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,654	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	56.79%
LS TPCP 5 năm	1.9%	2.54%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	32.7	VCB	25.4
VNM	30.8	DXG	16.2
KDC	13.4	SAB	11.7
VRE	11.8	MSN	11.7
CTG	10.6	PAC	11.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
16/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_FTSE Việt Nam_1.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	5/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
FTSE Việt Nam	1.5%	1.8%	5.4%	5.4%	5.4%	-5.9%	16.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.5%	1.3%	6.4%	6.4%	6.4%	-7.0%	16.0%
VN FinSelect	0.9%	1.2%	7.2%	7.2%	7.2%	-4.0%	19.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	1.7%	6.0%	6.0%	6.0%	-7.1%	18.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.8%	1.0%	7.1%	7.1%	7.1%	-12.0%	16.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.7%	1.2%	7.7%	7.7%	7.7%	-4.2%	21.2%
Ngân Hàng	0.7%	1.3%	7.9%	7.9%	7.9%	-1.5%	22.9%
VN Diamond	0.6%	1.7%	7.0%	7.0%	7.0%	-10.9%	19.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.5%	1.6%	6.9%	6.9%	6.9%	-8.8%	19.6%
Nước & Năng lượng	0.4%	2.3%	8.1%	8.1%	8.1%	-3.3%	16.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	1.3%	6.2%	6.2%	6.2%	-10.5%	21.7%
Lãi suất giảm	0.4%	-0.2%	9.4%	9.4%	9.4%	6.1%	19.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	0.6%	7.1%	7.1%	7.1%	0.3%	22.3%
Corona Avengers	0.3%	1.7%	7.5%	7.5%	7.5%	2.4%	22.0%
BDS & Khu công nghiệp	0.3%	-0.1%	4.2%	4.2%	4.2%	-5.7%	17.7%
Dầu khí	0.3%	0.4%	4.0%	4.0%	4.0%	-20.5%	25.2%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	0.4%	5.7%	5.7%	5.7%	3.6%	20.7%
Xây dựng	0.2%	4.4%	12.8%	12.8%	12.8%	4.4%	19.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	1.3%	3.9%	3.9%	3.9%	8.5%	15.7%
Đầu tư công	0.1%	3.2%	8.8%	8.8%	8.8%	2.6%	20.3%
Ngành Dược	0.1%	4.0%	6.9%	6.9%	6.9%	-2.1%	18.4%
Hàng tiêu dùng	0.0%	-0.5%	7.3%	7.3%	7.3%	3.3%	20.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.1%	-0.2%	7.5%	7.5%	7.5%	8.3%	26.3%
Stay-at-home	-0.2%	0.2%	7.9%	7.9%	7.9%	12.8%	17.9%
Chiến tranh thương mại	-0.8%	-0.4%	4.5%	4.5%	4.5%	-8.2%	18.7%
Mục tiêu	0/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.6%	3.3%	9.8%	9.8%	9.8%	-3.0%	21.3%
S11	0.5%	0.1%	5.0%	5.0%	5.0%	2.9%	18.8%
L11	0.2%	1.0%	4.8%	4.8%	4.8%	-5.9%	17.8%
M22	0.2%	1.4%	5.0%	5.0%	5.0%	-0.7%	18.8%
L22	0.1%	0.5%	4.4%	4.4%	4.4%	-6.2%	20.2%
M12	0.0%	0.6%	4.4%	4.4%	4.4%	-5.9%	20.0%
M31	-0.1%	1.0%	6.3%	6.3%	6.3%	-5.6%	21.5%
S32	-0.2%	1.0%	6.6%	6.6%	6.6%	-13.1%	22.6%
S21	-0.9%	0.3%	4.0%	4.0%	4.0%	-8.6%	
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.3%	-0.5%	6.2%	6.2%	6.2%	6.6%	17.6%
HIGH3	0.1%	0.6%	5.5%	5.5%	5.5%	0.5%	19.5%
LOW1	-0.2%	0.5%	4.3%	4.3%	4.3%	-4.1%	17.2%
INDEX							
VNINDEX	0.8%	0.6%	6.3%	6.3%	6.3%	-8.8%	17.0%
VN30INDEX	1.2%	1.3%	6.4%	6.4%	6.4%	-6.7%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	5	20	16	9	17	8
Mục tiêu	9	0	9	5	4	3	6
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

MPC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: MPC thời gian qua đã vận động đi ngang trong khu vực 25.5-27 sau khi có sự điều chỉnh ngắn hạn. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt khối lượng trung bình 20 phiên trong hôm nay và đẩy giá MPC tăng khá tích cực 3.73%. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đa số đang nghiêng về trạng thái tích cực. Các đường EMA vừa xuất hiện Golden Cross, đồng thời chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần và còn cách khá xa vùng quá mua nên động lực tăng có thể được duy trì trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của MPC nằm tại mốc 27.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 33, cắt lỗ nếu ngưỡng 26 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

- PLX_ Tín hiệu tích cực [Link](#)
- PC1_Tăng giá [Link](#)
- CTI_Xu hướng tăng [Link](#)
- VNM_Hưng phấn [Link](#)
- GVR_Tín hiệu tích cực [Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.12	-0.19%	3.80%	9.90%	-25.03%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.75	-0.09%	3.30%	6.40%	-27.91%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.15	-0.24%	0.90%	7.50%	-27.52%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1810.87	0.03%	0.40%	4.90%	26.56%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	19.33	-0.45%	3.60%	10.70%	16.66%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	885.00	0.25%	-1.80%	1.00%	-5.93%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	550.00	-0.14%	4.80%	7.90%	1.52%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.31	-0.12%	2.70%	31.10%	42.16%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.93	-0.28%	-0.60%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.82	4.42%	-2.20%	-1.80%	-12.31%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	97.20	-0.77%	-2.80%	0.20%	-18.46%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6386.00	-1.73%	2.50%	11.90%	6.79%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	534.48	-0.09%	0.50%	5.30%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1683.50	-0.30%	1.10%	6.80%	-8.85%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.99	-0.23%	5.20%	10.50%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.50	0.18%	0.80%	2.20%	-31.94%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent tăng 89 US cent (2.1%) lên 43.79 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 91 US cent (2.3%) lên 41.20 USD/thùng.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết lượng tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần vừa qua đã giảm 7.5 triệu thùng/ngày.
- OPEC+ bắt đầu cắt giảm sản lượng từ tháng 5 với mức giảm 9.7 triệu thùng/ngày, tương đương 10% nguồn cung toàn cầu. Kể từ tháng 8, mức giảm là 7.7 triệu thùng/ngày, kéo dài đến tháng 12/2020.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 1,811.41 USD/ounce, tăng 0.2% so với phiên trước, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 duy trì tại 1,813.8 USD/ounce.
- Tổng thống Donald Trump ngày 14/7 đã rút quy chế ưu đãi đặc biệt đối với Hongkong trong Luật pháp Mỹ. Ngay sau đó, Bắc kinh tuyên bố sẽ có những biện pháp trừng phạt Mỹ để trả đũa về việc này.
- Chỉ số Dollar index giảm 0.2% càng góp phần đẩy giá vàng đi lên trong phiên vừa qua, song việc chứng khoán Mỹ tăng điểm do thông tin sắp có vắc xin hiệu quả chống Covid-19 hạn chế phần nào đà tăng của giá vàng.

Giá sắt thép

- Trên sàn Đại Liên, quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 tăng 0.5% lên 837 CNY/tấn. Hợp đồng thép cây kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải phiên vừa qua tăng 0.3% lên 3,746 CNY (535.66 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng cũng tăng 0.9% lên 3,773 CNY/tấn. Giá thép cây trên sàn Thượng Hải tăng phiên thứ 2 liên tiếp do thị trường lạc quan rằng nhu cầu sẽ mạnh lên sau mùa mưa.

Giá cao su

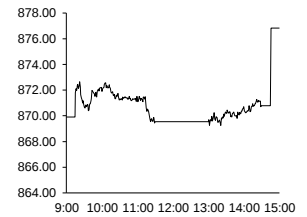
- Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 12 tăng 0.2 JPY lên 156.5 JPY (1.46 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9 tăng 55 CNY lên 10,640 CNY (1,523 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo (TOCOM) – tham chiếu cho thị trường Châu Á – tăng trong phiên vừa qua theo xu hướng giá ở sàn Thượng Hải và hy vọng sắp có vắc xin hiệu quả chống lại Covid-19.
- Các nhà đầu tư đang theo dõi khả năng Mỹ có thể áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với ô tô khách và ô tô tải nhập khẩu từ các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam sau khi Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ đã bỏ phiếu ủng hộ việc này.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 0.75 US cent (0.8%) xuống 97.2 US cent/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn tăng 11 USD (0.9%) lên 1,226 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 tăng 0.5 US cent (4.4%) lên 11.82 US cent/lb, Đường trắng kỳ hạn tháng 8 cũng tăng 15.9 USD (4.7%) lên 350.8 USD/tấn. Thị trường đang lo ngại việc thời tiết khô hạn ở Brazil có thể làm giảm sản lượng mía cuối vụ của nước này.

Hình 1

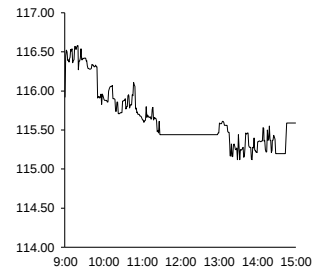
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

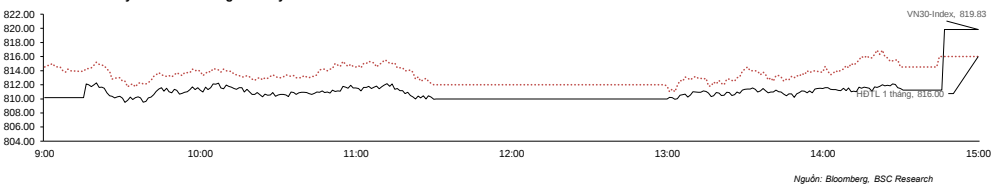
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-1.37%
Hóa chất	-0.22%
Xây dựng và Vật liệu	-0.22%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.11%
Công nghệ Thông tin	-0.04%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.14%
Dịch vụ tài chính	0.14%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.17%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.23%
Bán lẻ	0.31%
Ngân hàng	0.39%
Bảo hiểm	0.41%
Ô tô và phụ tùng	0.52%
Dầu khí	0.92%
Tài nguyên Cơ bản	1.12%
Bất động sản	1.21%
Thực phẩm và đồ uống	1.25%
Du lịch và Giải trí	1.70%

Nguồn: FiiPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	816.00	-0.12%	-3.83	-44.4%	96.189	7/16/2020	0
VN30F2008	806.00	-0.49%	-13.83	117.9%	37.185	8/20/2020	35
VN30F2009	801.20	-0.79%	-18.63	-26.6%	124	9/17/2020	63
VN30F2012	800.00	-0.79%	-19.83	-52.6%	65	12/17/2020	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 9.67 điểm lên mức 819.83 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VJC, HPG, TCB và VNM tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 dao động sát mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian nhưng đã tăng mạnh vào phiên ATC. VN30 có thể sẽ chưa thiết lập được xu hướng rõ ràng trong những phiên tới.

• Tất cả các HDTL đều giảm điểm trái ngược với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, đa số hợp đồng đều giảm, ngoại trừ VN30F2008. Tất cả các hợp đồng đều không có sự thay đổi trong vị thế mở. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 815 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2009	HSC	10/29/2020	105	2:1	351,520	521.2%	5.0 triệu	36.58%	1,600	3,610	8.73%	3,317	1.09
CHPG2008	SSI	11/30/2020	137	1:1	120,610	96.5%	5.0 triệu	36.58%	4,100	3,780	6.18%	3,088	1.22
CHPG2005	VND	10/1/2020	77	1:1	33,880	115.2%	2.0 triệu	36.58%	2,100	9,790	5.95%	9,797	1.00
CHPG2002	KIS	12/16/2020	153	2:1	544,820	1797.7%	3.0 triệu	36.58%	1,700	1,870	5.65%	1,174	1.59
CHPG2006	KIS	9/16/2020	62	2:1	51,190	710.0%	4.0 triệu	36.58%	1,500	3,580	3.77%	3,406	1.05
CTCB2004	MBS	8/18/2020	33	2:1	119,610	-14.9%	2.0 triệu	37.07%	1,050	1,930	2.66%	2,047	0.94
CVNM2003	MBS	9/4/2020	50	10:1	309,820	188.2%	3.0 triệu	31.46%	1,450	2,600	1.96%	2,422	1.07
CVNM2004	SSI	11/30/2020	137	1:1	12,110	-5.4%	2.0 triệu	31.46%	17,500	15,090	0.87%	9,775	1.54
CHPG2010	KIS	4/5/2021	263	4:1	489,440	1061.5%	2.0 triệu	36.58%	1,800	1,380	0.73%	571	2.42
CVHM2001	KIS	12/16/2020	153	5:1	237,050	-3.8%	2.0 triệu	37.46%	3,100	1,580	0.00%	791	2.00
CFPT2003	SSI	11/9/2020	116	1:1	17,670	11.4%	2.0 triệu	32.05%	7,300	10,160	-0.39%	3,206	3.17
CDPM2002	KIS	12/16/2020	153	1:1	203,590	-5.2%	2.0 triệu	40.38%	1,700	2,360	-1.67%	1,446	1.63
CMWG2009	MBS	10/23/2020	99	8:1	328,220	14.2%	4.0 triệu	39.65%	1,600	1,370	-2.14%	1,114	1.23
CVRE2003	KIS	12/16/2020	153	2:1	263,950	99.8%	3.0 triệu	44.27%	3,000	780	-2.50%	321	2.43
CVHM2002	SSI	11/30/2020	137	1:1	11,650	-17.7%	1.5 triệu	37.46%	11,500	12,200	-4.09%	10,482	1.16
CHDB2006	MBS	10/8/2020	84	2:1	122,060	-12.7%	2.0 triệu	39.95%	2,180	2,060	-4.19%	1,828	1.13
CFPT2004	SSI	8/10/2020	25	1:1	20,730	44.4%	2.0 triệu	32.05%	5,100	7,390	-4.27%	1,101	6.71
CNVL2002	KIS	3/10/2021	237	5:1	60,000	5900.0%	1.5 triệu	17.99%	2,000	2,980	-7.79%	1,170	2.55
CSTB2002	KIS	12/16/2020	153	1:1	84,310	27.1%	3.0 triệu	41.76%	1,700	1,700	-7.61%	1,224	1.39
CHDB2003	KIS	12/16/2020	153	2:1	142,100	44.4%	2.0 triệu	39.95%	2,700	1,100	-8.33%	671	1.64
Tổng:					3,172,810		48.00 triệu	36.12%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 16/7/2020, chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái, trong khi chứng khoán cơ sở đa số đóng cửa trong sắc xanh. Giá trị giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

• Về giá, CHPG2009 và CMBB2006 tăng mạnh nhất lần lượt là 8.7% và 7%, ở chiều hướng ngược lại, CFPT2002 và CVJC2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 48.7% và 20.6%. Thanh khoản thị trường tăng 27.23%. CHPG2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.41% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CHPG2005, CTCB2004 và CVPB2003. CHPG2005 và CVHM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	93.00	2.76	1.57
VJC	112.00	3.90	1.44
HPG	28.60	1.96	1.19
TCB	21.00	1.94	1.19
VNM	117.50	1.29	1.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	62.1	-0.80	-0.22
ROS	3.0	-0.33	0.00
BID	41.4	0.00	0.00
CTD	83.5	0.00	0.00
CTG	24.1	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.8	0.2%	1.2	1,670	1.8	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	60.5	0.5%	1.3	592	0.9	5,248	11.5	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.0	0.3%	1.3	1,549	0.8	1,307	36.7	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	1.4%	0.4	292	0.1	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	93.0	2.8%	0.8	13,677	1.3	2,095	44.4	3.9	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.3	2.2%	1.1	2,697	1.5	1,226	22.3	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	62.1	-0.8%	0.8	2,618	1.9	3,584	17.3	2.7	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	33.1	0.2%	0.8	446	0.5	4,976	6.7	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.2	-2.2%	1.3	252	2.6	2,289	4.9	0.8	40.8%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.6	0.3%	1.3	434	2.5	1,415	11.7	0.9	49.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.4	-6.2%	1.0	167	0.5	4,240	5.5	0.9	27.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.2	-0.3%	1.7	255	0.7	1,480	13.0	1.3	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.6	0.0%	0.8	1,656	2.2	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.8	1.2%	0.4	528	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.2	0.1%	1.5	6,008	1.7	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.9	0.9%	1.5	2,456	1.8	869	53.9	3.0	14.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.6	1.6%	1.5	262	3.5	1,238	10.2	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.0	-1.4%	0.8	944	0.5	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.2	0.0%	0.5	530	0.0	5,046	18.5	3.5	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.8	0.3%	0.4	251	0.9	1,006	14.7	0.7	10.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.0	-0.4%	0.4	207	0.5	415	21.7	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.5	0.0%	1.1	13,465	4.0	4,848	17.2	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.4	0.0%	1.4	7,231	0.8	2,140	19.3	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.1	0.0%	1.2	3,901	3.9	2,510	9.6	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.6	0.4%	1.2	2,395	1.9	3,750	6.0	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.5	1.2%	1.0	1,835	2.9	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.0	0.0%	0.9	1,735	0.9	3,780	6.3	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.0	0.9%	0.9	192	0.3	5,303	10.2	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	30.7	-2.2%	0.4	157	0.0	4,208	7.3	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.3	-1.3%	0.4	658	0.0	356	43.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.6	2.0%	1.1	3,433	22.2	2,764	10.3	1.6	36.0%	17.4%
HSG	Thép	11.5	-1.7%	1.4	222	5.2	1,493	7.7	0.8	11.4%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	117.5	1.3%	0.7	8,896	5.7	5,453	21.5	6.8	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	193.0	0.8%	0.8	5,381	3.0	6,719	28.7	7.2	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.0	2.3%	1.0	2,897	2.4	3,961	14.4	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.1	2.7%	0.8	385	3.4	171	88.5	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.0	-0.2%	0.8	5,584	0.2	3,450	17.1	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	112.0	3.9%	1.1	2,551	1.3	7,110	15.8	3.9	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.4	-0.4%	1.7	1,625	0.3	1,654	15.9	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.7	-0.5%	0.9	254	0.1	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.6	1.4%	1.1	130	0.8	2,117	5.0	0.7	23.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.0	-0.2%	1.0	425	0.2	9,201	6.8	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.2	0.0%	0.7	393	0.2	1,453	13.9	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	-0.4%	1.0	229	0.1	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	83.5	0.0%	1.0	277	2.3	8,032	10.4	0.7	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.7	-1.1%	0.3	513	0.1	1,498	17.8	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.0	-0.3%	0.3	186	1.0	1,775	10.1	0.8	37.8%	8.5%
POW	Điện	10.1	1.0%	0.6	1,028	1.0	1,028	9.8	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	23.0	0.2%	0.5	288	0.2	2,543	9.0	1.5	18.3%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	93.00	2.76	2.41	328050.00
VNM	117.50	1.29	0.75	1.11MLN
VJC	112.00	3.90	0.65	280190.00
MSN	57.00	2.33	0.43	978700.00
HPG	28.60	1.96	0.43	17.92MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.14	714270.00	1.11MLN
VCI	-0.01	-0.07	497370.00	607060.00
SCS	0.00	-0.06	27830.00	373600.00
GVR	0.00	-0.06	751420.00	192700.00
DRC	-0.01	-0.04	1.23MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	7.34	7.00	0.00	120.00
UDC	5.08	6.95	0.00	592370.00
DBC	48.70	6.92	0.09	4.22MLN
ACL	31.20	6.85	0.01	83590.00
DAT	25.75	6.85	0.02	450.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STK	16.60	-8.54	-0.03	165990.00
VAF	9.44	-7.00	-0.01	120.00
HVX	3.07	-6.97	0.00	4360.00
DAH	9.22	-6.96	-0.01	2.48MLN
MSH	31.75	-6.89	-0.03	1.02MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.90	0.78	0.15	1.81MLN
PVS	12.60	1.61	0.05	6.35MLN
DGC	40.40	1.51	0.05	779000.00
S99	15.80	5.33	0.04	684300.00
SHS	13.70	1.48	0.03	1.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	19.10	-3.05	-0.09	4400.00
NVB	9.10	-1.09	-0.04	1.47MLN
NTP	30.70	-2.23	-0.03	11300.00
VIF	16.60	-4.60	-0.03	3200.00
VCG	26.70	-1.11	-0.02	76100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

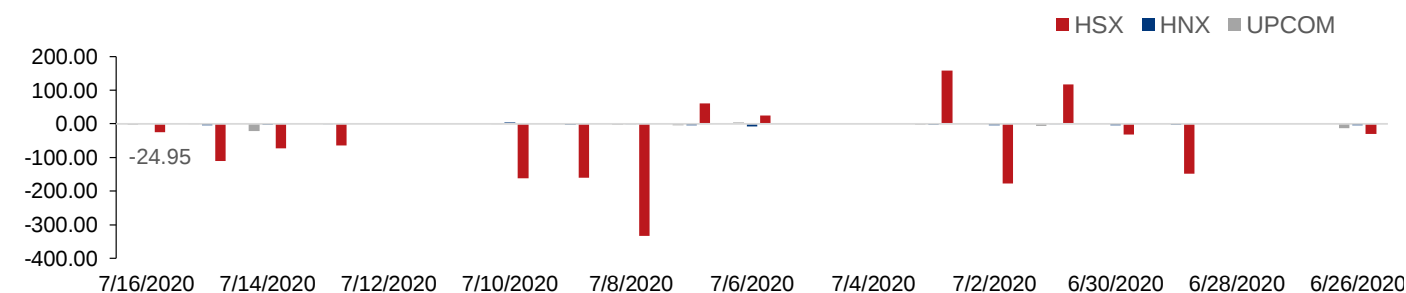
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.90	12.5	0.01	339400.00
CAN	23.10	10.0	0.01	200.00
DPC	14.30	10.0	0.00	2400.00
FID	1.10	10.0	0.00	48800.00
PBP	7.70	10.0	0.00	600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PRC	8.60	-18.10	0.00	200.00
DS3	3.70	-11.90	0.00	38100.00
AMC	18.00		0.00	200.00
HMH	9.00	-10.00	-0.01	100.00
NHC	30.00	-9.91	-0.01	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



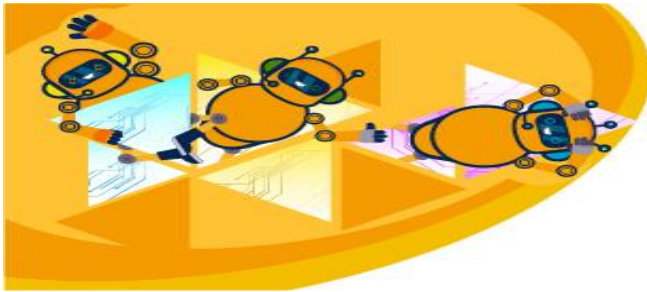
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.0	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	4,717	8.6	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.5	1,493	7.7	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	45.3	5,479	8.3	2.3	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.5		18.0	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.6	2,764	10.3	1.6	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.0	2,987	7.0	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	60.5	5,248	11.5	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.0	5,718	24.0	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.2	2,289	4.9	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.3	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.5	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.1	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.8	4,465	9.6	1.9	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.5	4,848	17.2	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.0	3,780	6.3	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.6	6,553	5.9	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.6	3,887	13.5	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.6	4,804	10.1	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.7	1,583	12.4	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn